

Số: 46/TB-UBND

TP. Tuyên Quang, ngày 13 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
Xây dựng công trình Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Điểm a, Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục bồi thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 946/QĐ-VKSTC-C3 ngày 29/10/2015 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Văn bản số 4672/VKSTC-C3 ngày 26/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc điều chỉnh địa điểm và diện tích đất xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm công trình Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tại Văn bản số 17/CV-TTPTQĐ ngày 27/02/2020 và đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 82/TTr-TNMT ngày 28/02/2020 về việc đề nghị thông báo thu hồi đất xây dựng công trình Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang,

Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang thông báo:

1. Thu hồi tổng diện tích 9.181,2 m² đất do tổ chức, các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, trong đó:

a. Diện tích, loại đất thu hồi theo hiện trạng sử dụng đất dự kiến:

- Nhóm đất nông nghiệp: 7.890,6 m², gồm:

+ Đất trồng lúa: 7.372,1 m²;

+ Đất bằng trồng cây hàng năm: 518,5 m²;

- Nhóm đất phi nông nghiệp: 462 m², gồm:

+ Đất giao thông: 427,2 m²;

+ Đất thủy lợi: 34,8 m²;

- Nhóm đất chưa sử dụng: 828,6 m², gồm:

+ Đất bằng chưa sử dụng: 828,6 m²;

b. Diện tích đất thu hồi phân theo đối tượng quản lý, sử dụng dự kiến:

- Hộ gia đình, cá nhân: 7.824,8 m².

- Tổ chức: 1.356,4 m².

(Có danh sách thu hồi đất kèm theo)

2. Lý do thu hồi đất: Xây dựng công trình Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Hoàn thành xong trước ngày 30/3/2020.

4. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư: Do công trình không có hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở nên không phải bố trí tái định cư.

5. Giao Ủy ban nhân dân phường Tân Hà chủ trì, phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Chủ đầu tư) tổ chức họp công khai Thông báo thu hồi đất tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất và niêm yết Thông báo này tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường và tại các địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất xây dựng công trình trên có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Chủ đầu tư) và Ủy ban nhân dân phường Tân Hà thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: **H**

- Thường trực Thành ủy
- Thường trực HĐND thành phố (B/cáo);
- Chủ tịch UBND thành phố
- PCT UBND thành phố phụ trách khối;
- Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố Tuyên Quang;
- Hội đồng bồi thường, HT & TĐC thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố;
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố;
- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tuyên Quang;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố;
- Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang;
- Văn phòng Công chứng Mai Lan;
- Văn phòng Công chứng Quang Sách;
- UBND phường Tân Hà;
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Các hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất xây dựng công trình;
- Chánh VP HĐND - UBND thành phố;
- Chuyên viên TNMT;
- Lưu: VT (ĐC - 25).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Hùng

**DANH SÁCH DỰ KIẾN ĐỔI TƯỢNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT, LOẠI ĐẤT THU HỒI XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH TRỤ SỞ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
(PHÂN HÀNH LĂNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG)**

ĐỊA ĐIỂM: TÒ 16, TÒ 17, PHƯỜNG TÂN HÀ, THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
(Kèm theo Thông báo số 46/TB-UBND ngày 13/3/2020 của UBND thành phố Tuyên Quang)

Đơn vị tính m²

Số TT	Tên chủ sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa đất	Tổng diện tích	Loại đất	Phân theo nhóm đất											
							Nhóm đất nông nghiệp					Nhóm đất phi nông nghiệp			Nhóm đất CSD			
							Trong đó					Trong đó			Trong đó			
							Tổng diện tích đất nông nghiệp	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Tổng diện tích đất phi nông nghiệp	Đất giao thông (DGT)	Đất thủy lợi (DTL)	Tổng đất CSD	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)	
8	9	10	11	12	14	15	17	18	20	21								
					1.203,8		234,2	182,3				51,9		436,8	427,2	9,6	532,8	532,8
	Tổng cộng				182,3		182,3	182,3				0,0						
I	Đất hộ gia đình, cá nhân				182,3		182,3	182,3										
1	Nguyễn Thị Khánh	Tổ 26	1	8	4,4	LUC	4,4	4,4										
2	Vương Thị Thành	Tổ 26	1	17	97,9	LUC	97,9	97,9										
3	Nguyễn Văn Vinh	Tổ 26	1	19	34,7	LUC	34,7	34,7										
4	Đình Văn Phòng	Tổ 28	1	29	42,5	LUC	42,5	42,5										
5	Hoàng Thu Tài	Tổ 28	1	33	2,8	LUC	2,8	2,8										
					1.021,5		51,9					51,9		436,8	427,2	9,6	532,8	532,8
II	Đất UBND xã													4,3		4,3		
1	UBND Phường	Tổ 26	1	7	4,3	DTL								5,3		5,3		
2	UBND Phường	Tổ 26	1	18	5,3	DTL											532,8	532,8
3	UBND Phường	Tổ 26	1	20	532,8	BCS												
4	UBND Phường	Tổ 26	1	31	51,9	BHK	51,9					51,9						
5	UBND Phường	Tổ 26	1	32	427,2	DGT							427,2	427,2				

Số TT	Tên chủ sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa đất	Tổng diện tích	Loại đất	Phân theo nhóm đất											
							Nhóm đất nông nghiệp					Nhóm đất phi nông nghiệp			Nhóm đất CSD			
							Tổng diện tích đất nông nghiệp	Trong đó				Trong đó			Trong đó			
								Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Tổng diện tích đất phi nông nghiệp	Đất giao thông (DGT)	Đất thủy lợi (DTL)	Tổng đất CSD	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	17	18	20	21	
14	Hà Nhân Gián	Tổ 28	1	23	135,3	BHK	135,3				135,3							
15	Đặng Văn Hưng	Tổ 28	1	24	36,5	BHK	36,5				36,5							
		Tổ 28	1	25	104,6	BHK	104,6				104,6							
		Tổ 28	1	26	176,3	BHK	176,3				176,3							
16	Đình Văn Phòng	Tổ 28	1	28	75,3	LUC	75,3	75,3										
17	Hoàng Thu Tài	Tổ 28	1	34	31,4	LUC	31,4	31,4										
II	Đất UBND xã				334,9		13,9				13,9		25,2		25,2	295,8	295,8	
1	UBND Phường	Tổ 28	1	13	295,8	BCS										295,8	295,8	
2	UBND Phường	Tổ 26	1	15	25,2	DTL							25,2		25,2			
3	UBND Phường	Tổ 26	1	30	13,9	BHK	13,9				13,9							

Số: 82/TTr-TNMT

TP. Tuyên Quang, ngày 28 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông báo thu hồi đất xây dựng công trình Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Điểm a, Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục bồi thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 946/QĐ-VKSTC-C3 ngày 29/10/2015 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Văn bản số 4672/VKSTC-C3 ngày 26/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc điều chỉnh địa điểm và diện tích đất xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương

án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm công trình Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Sau khi kiểm tra hồ sơ trình phê duyệt thông báo thu hồi đất công trình Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang kèm theo Văn bản số 17/CV-TTPTQĐ ngày 27/02/2020 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố,

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang phê duyệt thông báo thu hồi đất xây dựng công trình, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Lý do thu hồi đất: Xây dựng công trình Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

3. Diện tích, vị trí khu đất thu hồi:

3.1. Địa điểm thu hồi đất: Phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang.

3.2. Tổng diện tích dự kiến: 9.181,2 m².

a. Diện tích, loại đất thu hồi theo hiện trạng sử dụng đất dự kiến:

- Nhóm đất nông nghiệp: 7.890,6 m², gồm:

+ Đất trồng lúa: 7.372,1 m²;

+ Đất bằng trồng cây hàng năm: 518,5 m²;

- Nhóm đất phi nông nghiệp: 462 m², gồm:

+ Đất giao thông: 427,2 m²;

+ Đất thủy lợi: 34,8 m²;

- Nhóm đất chưa sử dụng: 828,6 m², gồm:

+ Đất bằng chưa sử dụng: 828,6 m²;

b. Diện tích đất thu hồi phân theo đối tượng quản lý, sử dụng dự kiến:

- Hộ gia đình, cá nhân: 7.824,8 m².

- Tổ chức: 1.356,4 m².

(Có danh sách thu hồi đất kèm theo)

4. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Hoàn thành xong trước ngày 30/3/2020.

5. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư: Do công trình không có hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở nên không phải bố trí tái định cư.

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang phê duyệt để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (Trình duyệt);
- Lưu: TNMT.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Xuân Nho

**DANH SÁCH DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT, LOẠI ĐẤT THU HỒI XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH TRỤ SỞ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

(PHÂN HÀNH LANG ĐƯỜNG GIAO THÔNG)

ĐỊA ĐIỂM: TỔ 16, TỔ 17, PHƯỜNG TÂN HÀ, THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG

(Kèm theo Tờ trình số 82/TTr-TNMT ngày 28/02/2020 của Phòng TNMT thành phố Tuyên Quang)

Đơn vị tính m²

Số TT	Tên chủ sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa đất	Tổng diện tích	Loại đất	Phân theo nhóm đất										
							Nhóm đất nông nghiệp					Nhóm đất phi nông nghiệp			Nhóm đất CSD		
							Tổng diện tích đất nông nghiệp	Trong đó				Trong đó			Trong đó		
								Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Tổng diện tích đất phi nông nghiệp	Đất giao thông (DGT)	Đất thủy lợi (DTL)	Tổng đất CSD	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)
8	9	10	11	12	14	15	17	18	20	21							
	Tổng cộng				1.203,8		234,2	182,3			51,9		436,8	427,2	9,6	532,8	532,8
I	Đất hộ gia đình, cá nhân				182,3		182,3	182,3			0,0						
1	Nguyễn Thị Khánh	Tổ 26	1	8	4,4	LUC	4,4	4,4									
2	Vương Thị Thành	Tổ 26	1	17	97,9	LUC	97,9	97,9									
3	Nguyễn Văn Vinh	Tổ 26	1	19	34,7	LUC	34,7	34,7									
4	Đình Văn Phòng	Tổ 28	1	29	42,5	LUC	42,5	42,5									
5	Hoàng Thu Tài	Tổ 28	1	33	2,8	LUC	2,8	2,8									
II	Đất UBND xã				1.021,5		51,9				51,9		436,8	427,2	9,6	532,8	532,8
1	UBND Phường	Tổ 26	1	7	4,3	DTL							4,3		4,3		
2	UBND Phường	Tổ 26	1	18	5,3	DTL							5,3		5,3		
3	UBND Phường	Tổ 26	1	20	532,8	BCS										532,8	532,8
4	UBND Phường	Tổ 26	1	31	51,9	BHK	51,9				51,9						
5	UBND Phường	Tổ 26	1	32	427,2	DGT							427,2	427,2			

Số TT	Tên chủ sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa đất	Tổng diện tích	Loại đất	Phân theo nhóm đất											
							Nhóm đất nông nghiệp					Nhóm đất phi nông nghiệp			Nhóm đất CSD			
							Tổng diện tích đất nông nghiệp	Trong đó				Trong đó			Trong đó			
								Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Tổng diện tích đất phi nông nghiệp	Đất giao thông (DGT)	Đất thủy lợi (DTL)	Tổng đất CSD	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	17	18	20	21	
14	Hà Nhân Giản	Tổ 28	1	23	135,3	BHK	135,3				135,3							
15	Đặng Văn Hưng	Tổ 28	1	24	36,5	BHK	36,5				36,5							
		Tổ 28	1	25	104,6	BHK	104,6				104,6							
		Tổ 28	1	26	176,3	BHK	176,3				176,3							
16	Đình Văn Phòng	Tổ 28	1	28	75,3	LUC	75,3	75,3										
17	Hoàng Thu Tài	Tổ 28	1	34	31,4	LUC	31,4	31,4										
II	Đất UBND xã				334,9		13,9				13,9		25,2		25,2	295,8	295,8	
1	UBND Phường	Tổ 28	1	13	295,8	BCS										295,8	295,8	
2	UBND Phường	Tổ 26	1	15	25,2	DTL							25,2		25,2			
3	UBND Phường	Tổ 26	1	30	13,9	BHK	13,9				13,9							